

Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

HOÀNG THỊ HẢO*

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng bộ số liệu điều tra khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và các cán bộ quản lý trực tiếp công tác tín dụng, nhằm đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 3 nhóm nhân tố về phía ngân hàng, về phía khách hàng và nhân tố khác đều ảnh hưởng tới công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn.

Từ khóa: rủi ro tín dụng, Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn, Quảng Ninh

Summary

The study uses survey data of corporate customers, individual customers and credit managers in order to assess determinants of credit risk management at Agribank, branch of Van Don district, Quang Ninh province. The result points out 3 groups of factors in terms of the branch, the customers and other factors that affect the branch's credit risk management.

Keywords: credit risk, Agribank Van Don district branch, Quang Ninh

GIỚI THIỆU

Trải qua hơn 50 năm hoạt động, Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh với nhiệm vụ chủ yếu là duy động mọi nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, đồng thời thực hiện các nghiệp vụ của ngân hàng khác.

Từ khi được thành lập đến nay, Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn không ngừng phát triển theo đúng hướng ổn định, an toàn hiệu quả và phát triển cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng, địa bàn hoạt động, cũng như cơ cấu mạng lưới, tổ chức bộ máy. Chi nhánh luôn là ngân hàng mạnh, có thị phần lớn nhất so với các tổ chức tín dụng khác trong địa bàn, có tác động lớn đến việc phát triển kinh tế Huyện. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Agribank còn một số mặt tồn tại về cơ cấu nợ xấu, thiết lập mạng

lưới thông tin quản lý chưa đồng bộ, sản phẩm ngân hàng “độc canh” tín dụng... Đặc biệt, công tác quản lý các khoản cho vay chưa đạt hiệu quả cao. Vì thế, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh là cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu xây dựng phiếu điều tra trên cơ sở sử dụng bảng hỏi bằng cách cho điểm từ 1 đến 5 trong đó 5 là mức độ tác động mạnh nhất đến công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, tác giả gửi phiếu khảo sát tới 120 đối tượng, gồm: 16 khách hàng doanh nghiệp, 94 khách hàng cá nhân và 10 cán bộ quản lý trực tiếp công tác tín dụng. Kết quả thu về đủ 120 phiếu hợp lệ. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 01-03/2020.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Về phía ngân hàng

Kết quả Bảng cho thấy, về chất lượng thực hiện quy trình nghiệp vụ tín dụng, kiểm tra, kiểm soát các

*TS., Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

Ngày nhận bài: 15/03/2020; Ngày phản biện: 19/04/2020; Ngày duyệt đăng: 23/04/2020

BẢNG: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ

Các nhân tố	Số lượng mẫu	Tỷ lệ mức độ đồng ý (%)					Điểm TB
		1	2	3	4	5	
I/ Nhân tố từ phía ngân hàng							
1. Do áp lực phải hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, chưa sự quan tâm đúng mức đến chất lượng tín dụng	10	10	10	50	20	10	3.1
2. Năng lực, kinh nghiệm đội ngũ cán bộ tín dụng hạn chế	10	0	10	60	20	10	3.3
3. Đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ chưa tốt	10	10	30	50	10	0	2,6
4. Thiếu giám sát và quản lý trước và sau khi cho vay	10	0	30	50	20	0	2,9
5. Hệ thống kiểm soát nội hoạt đồng kém hiệu quả	10	0	20	60	20	0	3,0
6. Thiếu thông tin khi thẩm định và khi ra quyết định cho vay, nên dẫn đến những quyết định cho vay sai lầm	10	0	10	50	30	10	3,4
7. Xử lý tài sản đảm bảo, nợ xấu lúng túng, chưa hiệu quả	10	0	10	20	60	10	3,7
8. Nguyên nhân khác	10	0	30	60	10	0	2,8
II/ Nhân tố từ phía khách hàng							
1. Khách hàng cố ý lừa đảo	110	7,27	47,27	13,64	13,64	18,18	2,88
2. Khách hàng kinh doanh thua lỗ, không trả được nợ ngân hàng	110	12,73	14,55	45,45	9,09	18,18	3,05
3. Tình hình tài chính thiếu minh bạch	110	5,45	12,73	29,09	32,73	20	3,49
4. Năng lực quản lý kinh doanh kém, dẫn tư nhiều lĩnh vực vượt quá khả năng quản lý	110	0	16,36	21,82	31,82	30	3,75
5. Sử dụng vốn sai mục đích	110	0	2,73	14,55	28,18	54,55	4,35
6. Nguyên nhân khác	110	0	69,09	17,27	13,64	0	2,45
III/ Nhân tố khác							
1. Không lường trước được sự biến động về kinh tế của thị trường thị thế giới	110	14,55	47,27	20,91	10,91	6,36	2,47
2. Thay đổi về tình hình kinh tế ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của khách hàng	110	0	10,91	39,09	28,18	21,82	3,61
3. Môi trường pháp lý không ổn định	110	9,09	47,27	15,45	20,91	7,27	2,7
4. Sự thay đổi của môi trường tự nhiên (thiên tai, dịch bệnh...) gây tổn thất cho khách hàng	110	0	0	27,27	38,18	34,55	4,07
5. Nguyên nhân khác	110	8,18	60	20,91	10,91	0	2,35

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra cụ thể tại gia

khoản vay tại Chi nhánh có mức điểm từ 2,6-3,7/5 điểm. Trong đó, nhân tố Xử lý tài sản đảm bảo, nợ xấu lúng túng, chưa hiệu quả đạt mức điểm cao nhất là 3,7/5điểm, đạt mức điểm thấp nhất 2,6/5điểm là nhân tố đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ chưa tốt.

Sở dĩ chỉ đạt được mức điểm như trên là do

(i) Cán bộ tín dụng chưa chấp hành đúng quy trình cho vay, như: không đánh giá đầy đủ chính xác khách hàng trước khi cho vay, cho vay khống, thiếu tài sản đảm bảo, cho vay vượt tỷ lệ an toàn... hay tình trạng cán bộ tín dụng chưa kiểm tra, giám sát chặt chẽ về tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng;

(ii) Trình độ nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn yếu, nên việc đánh giá các dự án, hồ sơ xin vay

còn chưa tốt, còn xây ra tình trạng dự án thiếu tính khả thi, mà vẫn cho vay; một số hồ sơ vay vốn chứng minh tài chính sai sự thật, thiếu lành mạnh, nhưng cán bộ tín dụng không phát hiện được vẫn duyệt cho vay;

(iii) Một số cán bộ tín dụng còn thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm đạo đức kinh doanh, như: thông đồng với khách hàng lập hồ sơ giả để vay vốn, xâm tiêu khi giải ngân hay thu nợ, đôi khi còn né nang trong quan hệ khách hàng. Đây chính là những căn trở rất lớn cho công tác quản lý rủi ro tín dụng mà ngân hàng cần phải giải quyết triệt để trong thời gian tới.

Về phía khách hàng

Số liệu Bảng cho thấy, nhân tố rủi ro tín dụng xuất phát từ phía khách hàng được đánh giá ở mức điểm dao động từ 2,45-4,35/5 điểm, trong đó, nhân tố sử dụng vốn sai mục đích đạt số điểm cao nhất là 4,35/5 điểm. Tiếp đến là nhân tố năng lực quản lý kinh doanh kém, dẫn tư nhiều lĩnh vực vượt quá khả năng quản lý đạt 3,75/5 điểm và nhân tố nguyên nhân khác là 2,45 điểm.

Như vậy, có thể thấy, việc sử dụng vốn sai mục đích đang diễn ra khá phổ biến, khách hàng vay vốn xong cố tình sử dụng vốn vay sai mục đích đã ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoàn trả vốn của khách hàng. Đồng thời, việc khách hàng không trả được nợ hoặc khách hàng cố ý không trả nợ (khách hàng lừa đảo) cũng là nguyên nhân chính dẫn đến rủi ro tài chính. Vì vậy, trong thời gian tới, Ngân hàng cần có những biện pháp cụ thể để ngăn chặn những tiêu cực xảy ra từ phía khách hàng.

Nhân tố khác

Bên cạnh những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng từ phía Ngân hàng và khách hàng, thì còn một số nguyên nhân khác do tác động từ hình kinh tế - chính trị, môi trường pháp lý, môi trường tự nhiên... gây ra. Số liệu Bảng cho thấy, nhóm nguyên nhân rủi ro khách quan từ môi trường kinh tế, pháp lý, tự nhiên được đánh giá ở mức điểm dao động từ 2,35-4,07/5 điểm, trong đó sự thay đổi của môi trường tự nhiên (thiên tai, dịch bệnh...) gây tổn thất cho khách hàng đạt mức điểm cao nhất là 4,07/5 điểm. Tiếp đó là nhân tố về tình hình kinh tế ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của khách hàng đạt 3,61/5 điểm; môi trường pháp lý không ổn định đạt mức điểm 2,7/5 điểm.

Sở dĩ ảnh hưởng bởi các nguyên nhân trên là do gần đây, tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, làm ảnh hưởng đến nền kinh tế. Theo đó, Agribank Chi nhánh huyện Văn Đồn cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ các hệ thống chính sách của Ngân hàng Nhà nước. Hơn nữa, các quy định về quy trình trong hoạt động tín dụng không được quy định chặt chẽ và hợp lý, nên không chỉ gây khó khăn cho hoạt động tín dụng, mà còn tạo điều kiện cho rủi ro xảy ra. Với hoạt động cho vay chủ yếu là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt hải sản, nên chịu nhiều tác động từ môi trường tự nhiên, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, từ đó ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh đặc biệt là công tác quản lý rủi ro tín dụng.

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

Đối với công tác loại bỏ, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng

Một là, tuân thủ đầy đủ và khâu học quy trình cho vay. Theo đó, việc thẩm định, quyết định cho vay và giải ngân, cần chú trọng đến phân tích cơ cấu nợ, mục đích là để xác định những tác động của cơ cấu nợ với nguy cơ vỡ nợ của khách hàng. Cán bộ thẩm định nên bám sát theo đúng quy trình định sẵn sẽ không tốn nhiều thời gian, mà vẫn có thể đảm bảo phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro. Tăng cường theo dõi việc sử dụng vốn vay của khách hàng, việc thực thi các phương án kinh doanh, kế hoạch trả nợ, rà soát bổ sung hồ sơ đảm bảo trong suốt thời gian vay. Có như vậy mới phát hiện kịp thời, nhanh chóng những dấu hiệu cảnh báo sớm, những nguy cơ rủi ro tín dụng tiềm ẩn để có những biện pháp ngăn chặn, khắc phục, phòng ngừa kịp thời.

Cùng với đó, hoạt động giám sát và quản lý sau cho vay cần phải kiểm tra định kỳ, giám sát việc sử dụng vốn vay để hạn chế thấp nhất việc khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, kiểm tra năng lực tài chính, khả năng thanh khoản, đánh giá lại tiềm lực. Đồng thời, rà soát lại hồ sơ vay, cập nhật tình hình biến động của thị trường, ngành, nghề kinh doanh và bất kỳ thay đổi nào của khách hàng để nhận biết dấu hiệu rủi ro, sớm kịp thời có hướng xử lý.

Hai là, tăng cường sự giám sát kiểm tra của lãnh đạo đối với việc chấm điểm, xếp hạng khách hàng của cán bộ tín dụng.

Cần có sự thay đổi trong quy trình quản lý chấm điểm tín dụng, phải có những tiêu chí đo lường cụ thể, toàn diện cả chỉ tiêu định lượng và định tính đối với khách hàng doanh nghiệp, như: nguồn trả nợ của khách hàng, lý lịch tư pháp của người đứng đầu doanh nghiệp, năng lực điều hành của người đứng đầu doanh nghiệp, quan hệ của Ban lãnh đạo với các cơ quan chủ quản... Bởi, nếu không có những chỉ tiêu này, thì bản thân cán bộ tín dụng không đủ nguồn thông tin để đánh giá chính xác, mà chủ yếu đánh giá theo cảm tính.

Ba là, thực hiện nghiêm túc phân loại nợ và trích lập dự phòng. Theo đó, cần chủ động phân loại nợ theo tính chất, khả năng thu hồi nợ của khoản vay, kiên quyết chuyển nợ quá hạn đối với các trường hợp vi phạm hợp đồng tín dụng có nguy cơ gây ra rủi ro và hạ bậc nợ, thực hiện trích lập dự phòng nhằm bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra.

Phân loại nợ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phản ánh thực trạng mức độ rủi ro của các khoản cấp tín dụng, là cơ sở để trích lập quỹ dự phòng rủi ro, tạo nguồn vốn để chủ động tài trợ rủi ro tín dụng. Do vậy, việc phân loại nợ phải được thực hiện công khai, minh bạch, đúng bản chất từng khoản nợ, tránh trường hợp vi phạm mục tiêu đạt kết quả lợi nhuận, mà phân loại nợ không đúng mức độ rủi ro của khoản nợ. Từ đó, dẫn đến thiếu nguồn vốn để tài trợ rủi ro tín dụng.

Cần có phương án trích lập dự phòng để tài trợ rủi ro tín dụng; sử dụng dự phòng để tài trợ rủi ro tín dụng phải đúng đối tượng, điều kiện, trình tự và thủ tục theo quy định. Bên cạnh đó, việc trích lập dự phòng rủi ro, cần phải đánh giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên để phản ánh đúng mức độ rủi ro về tài sản đảm bảo. Hiện nay, Agribank Việt Nam đã quy định tối đa trong thời gian 12 tháng phải thực hiện đánh giá lại tài sản đảm bảo. Bên cạnh đó, cũng cần phải quy định rõ chuẩn mực đối với tài sản được coi là tài sản đảm bảo, để hạn chế rủi ro do tài sản đảm bảo gây ra.

Bốn là, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ. Cần thực hiện định kỳ, đột xuất kiểm tra để phát hiện các sai sót và cảnh báo sớm các dấu hiệu vi phạm, hàng năm tổ chức các đợt kiểm tra nội bộ các khoản vay phát sinh để kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn các vi phạm quy trình, quy chế, tránh để xảy ra hậu quả nghiêm trọng rồi mới xử lý. Giám sát từng khoản vay một cách thường xuyên nhằm phát hiện dấu hiệu cảnh báo sớm để có thể khắc phục kịp thời. Việc sử dụng hệ thống chấm điểm tín dụng nội bộ cũng sẽ đánh giá hiện trạng của khách hàng vay. Nó là công cụ giám sát tín dụng quan trọng, hệ thống chấm điểm tín dụng nội bộ cần theo dõi được những dấu hiệu cho thấy khả năng diễn biến xấu đi của khoản tín dụng, tình trạng khách hàng. Việc giám sát từng khoản vay cũng được thực hiện thông qua việc rà soát và phân tích báo cáo tài chính. Hoạt động này cần được tiến hành một cách thường xuyên nhằm đánh giá hoạt động của khách hàng vay vốn.

Thực hiện phân tích kiểm tra, đánh giá đồng tiền của phương án kinh doanh từ khách hàng để có phương

án thu nợ kịp thời khi có dòng tiền thu chuyển về; thường xuyên đi kiểm tra thực tế tình hình hoạt động của khách hàng, từ đó có thể xác định được sự tồn tại và tình trạng thực tế của nhà xưởng, máy móc, thiết bị, tài sản đảm bảo... Đồng thời, còn có thể kiểm chứng lại chất lượng và tính chính xác của các báo cáo tài chính, cũng như sẽ có tác động răn đe đối với khách hàng cũng như những ý đồ sử dụng vốn sai mục đích hoặc cố tình lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Năm là, xử lý tài sản đảm bảo để thu nợ. Cần hoàn thiện về mặt pháp lý của các tài sản đảm bảo tiền vay để thuận lợi trong xử lý tài sản đảm bảo, nguồn thu nợ thứ hai khi rủi ro tín dụng xảy ra. Thỏa thuận việc hoàn thiện về thủ tục đăng ký sở hữu tài sản sau khi dự án hoàn thành là một điều kiện tín dụng, đồng thời thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, liên tục rà soát hồ sơ pháp lý và thực trạng của tài sản đảm bảo.

Khuyến khích khách hàng tự bán tài sản đảm bảo nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí; hạn chế tình trạng giảm sút giá trị tài sản khi ngân hàng trực tiếp phát mãi giúp nâng cao khả năng thu hồi nợ. Đối với tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị, thì Chi nhánh nên tham khảo ý kiến của những nhà chuyên môn nhằm phát mãi tài sản đảm bảo nhanh chóng và có lợi nhất.

Đối với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, nhà xưởng, giấy tờ có giá, Chi nhánh cần thỏa thuận trước với khách hàng là sẽ chuyển giao quyền sở hữu tài sản đó cho ngân hàng, khi khách hàng không thanh toán được nợ nhằm tránh hành vi khách hàng cố tình né tránh, không tự nguyện giao tài sản cho ngân hàng khi phát mãi tài sản. Tùy từng trường hợp cụ thể cần linh hoạt trong việc thành lập tổ xử lý rủi ro nhằm tận dụng hết khả năng, để xử lý tài sản đảm bảo, giảm được thời gian, công sức và chi phí để thu hồi nợ nhanh chóng, tránh được tình trạng ứ đọng vốn kéo dài.

Đối với công tác thực hiện giao rủi ro tín dụng tại Chi nhánh

Về phía khách hàng. Khi cho vay vốn cần bộ tín dụng cần hướng dẫn và tư vấn kỹ về những lợi ích cho khách hàng khi mua gói bảo hiểm bán kèm tín dụng. Đó là khi khách hàng xảy ra những rủi ro công ty bảo

hiểm sẽ chi trả phần dư nợ còn lại nên ngân hàng sẽ giảm thiểu rủi ro được rất nhiều. Yêu cầu khách hàng mua gói bảo hiểm vật chất toàn bộ giá trị tài sản bảo đảm để hạn chế rủi ro đối với tài sản bảo đảm; đồng thời, ký cam kết tay ba giữa ngân hàng, công ty bảo hiểm và chủ sở hữu tài sản cầm cố, thế chấp bảo lãnh để ngân hàng toàn quyền được thanh toán số tiền bồi thường bảo hiểm tài sản đó, nếu trong trường hợp tài sản bảo đảm đó bị rủi ro về vật chất.

Đối với tài sản thế chấp là các công trình xây dựng, yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm: bảo hiểm công trình (đối với dự án đầu tư), bảo hiểm cháy nổ... đối với tài sản bảo đảm là hàng hóa, phương tiện có giới hạn thời hạn yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm, như: bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm vật chất xe cơ giới. Trong đó, nếu rõ người thụ hưởng bảo hiểm là Agribank Chi nhánh huyện Văn Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Về phía ngân hàng. Lãnh đạo Chi nhánh cần coi trọng công tác mua bảo hiểm cho tài sản của ngân hàng. Hàng năm, cần tăng thêm giá trị tài sản tham gia bảo hiểm ít nhất phải tương đương với sự tăng trưởng về tín dụng.

Đối với công tác chấp nhận rủi ro và áp dụng các biện pháp giảm thiểu tổn thất rủi ro

- Thực hiện biện pháp giảm dần dư nợ cho vay đối với khách hàng đang kinh doanh thua lỗ để xử lý sớm giúp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

- Thực hiện mua - bán nợ với các công ty mua - bán nợ là một giải pháp hiệu quả để giảm nợ xấu trên bảng cân đối kế toán, kéo dài được thời gian trích lập dự phòng rủi ro, sẽ giảm gánh nặng tài chính. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013). *Nghị định số 156/2013/NĐ-CP, ngày 11/11/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013). *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*
3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2014). *Quyết định số 35/QĐ-HĐTV-HSX, ngày 15/01/2014, ban hành quy định giao dịch bảo đảm cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*
4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2017). *Quyết định số 226/QĐ-HĐTV-TD, ngày 09/03/2017 về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*
5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Văn Đồn tỉnh Quảng Ninh (2017, 2018, 2019). *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm, từ 2017 đến 2019*